

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG ÔN TẬP ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II**A – Nội dung: CHƯƠNG 5 + CHƯƠNG 6 (Chỉ bài lưu huỳnh)**

ĐỀ THI (30 câu/45 phút) (24 LT + 6T)	7 ĐIỂM	3 ĐIỂM
	21 câu đề cương	9 câu khác đề cương
	(18 LT + 3 T)	(6 LT + 3 T)

B – Ma trận về số lượng phân bố 21 câu trong đề cương:

TT	Nội dung kiến thức	Số câu		Tổng cộng
		Lí thuyết	Tính toán	
1	Khái quát halogen – Clo	4	1	5
2	Hidro clorua – Muối clorua	5	1	6
3	Flo – Brom – Iot	5	0	5
4	Lưu huỳnh	4	1	5
	Tổng cộng	18	3	21

C – Trắc nghiệm:**KHÁI QUÁT NHÓM HALOGEN – CLO****Câu 1:** Nhận định nào sau đây đúng?

- A. Các nguyên tố nhóm halogen đều thuộc chu kỳ 7.
- B. Nguyên tử các nguyên tố nhóm halogen đều có 7 electron lớp ngoài cùng.
- C. Nhóm halogen gồm các nguyên tố theo thứ tự Cl, F, Br, I, At.
- D. Liên kết trong phân tử đơn chất halogen (X_2) rất bền vững.

Câu 2: Khi đi từ flo đến iot, ta thấy:

- A. Màu sắc các đơn chất đậm dần.
- B. Nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi giảm dần.
- C. Độ âm điện tăng dần.
- D. Tính oxi hóa tăng dần.

Câu 3: Tính chất vật lý nào sau đây không phải của đơn chất Clo?

- A. Chất khí màu vàng lục, mùi xốc.
- B. Khí Clo nặng hơn không khí 2,5 lần.
- C. Rất ít tan trong nước, tan nhiều trong dung môi hữu cơ.

HIDRO CLORUA – MUỐI CLORUA

Câu 1: Muốn hòa tan hoàn toàn hỗn hợp Zn và ZnO người ta phải dùng 100,8ml dung dịch HCl 36,5% ($D = 1,19\text{g/ml}$) thì thu được 8,96 lít khí (đktc). Tính % khối lượng Zn và ZnO trong hỗn hợp

- A. 40%; 59,8% B. 61,6%; 38,4% C. 52,5%; 47,5% D. 72,15%; 27,85%

Câu 2: Hòa tan 2,24 lít khí hidro clorua (đktc) vào 46,35 gam nước thu được dung dịch HCl có nồng độ là:

- A. 7,3% B. 73% C. 67% D. 6,7%

Câu 3: Hòa tan hoàn toàn 13 gam một kim loại hóa trị II bằng dung dịch HCl. Cô cạn dung dịch sau phản ứng được 27,2 gam muối khan. Kim loại đã dùng là:

- A. Fe B. Zn C. Mg D. Ba.

Câu 4: Cho 50 gam CaCO_3 tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl 20%. Khối lượng dung dịch HCl đã dùng là

- A. 180,0 gam B. 100,0 gam C. 182,5 gam D. 55,0 gam

Câu 5: Cho 1,53 gam hỗn hợp Mg, Fe, Zn vào dung dịch HCl dư thấy thoát ra 448 ml khí (đktc). Cô cạn hỗn hợp sau phản ứng thì thu được chất rắn có khối lượng là

- A. 2,95 gam B. 3,90 gam C. 2,24 gam D. 1,85 gam

Câu 6: Sắt tác dụng với chất nào dưới đây cho muối sắt(III) clorua ?

- A. HCl B. Cl_2 C. NaCl D. CuCl_2

Câu 7: Khí hidro clorua có thể được điều chế bằng cách cho muối ăn (NaCl rắn) tác dụng với chất nào sau đây ?

- A. NaOH B. H_2SO_4 đặc C. H_2SO_4 loãng D. H_2O

Câu 8: Muốn điều chế axit clohidric từ khí hidro clorua ta có thể dùng phương pháp nào sau đây?

- A. Oxi hoá khí này bằng MnO_2 .
 B. Cho khí này hoà tan trong nước.
 C. Oxi hoá khí này bằng KMnO_4 .
 D. Cho khí này tác dụng với dung dịch axit clohidric loãng.

Câu 9: Trong các dãy oxit sau, dãy nào gồm các oxit phản ứng được với axit HCl ?

- A. CuO, P_2O_5 , Na_2O B. CuO, CO, SO_2
 C. FeO, Na_2O , CO D. FeO, CuO, CaO, Na_2O

Câu 10: Axit HCl có thể phản ứng được với các chất trong dãy nào sau đây ?

- A. Cu, CuO, Ba(OH)_2 , AgNO_3 , CO_2 B. NO, AgNO_3 , CuO, quỳ tím, Zn
 C. Quỳ tím, Ba(OH)_2 , Zn, P_2O_5 D. AgNO_3 , CuO, Ba(OH)_2 , Zn, quỳ tím

Câu 11: Có thể dùng chất nào trong số các chất sau đây để làm thuốc thử nhận biết ra hợp chất halogenua trong dung dịch?

- A. AgNO_3 B. Ba(OH)_2 C. $\text{Ba(NO}_3)_2$ D. $\text{Cu(NO}_3)_2$

Câu 12: Muối bạc halogenua tan trong nước là muối nào sau đây?

- A. AgCl B. AgF C. AgBr D. AgI

Câu 13: Hãy chỉ ra phương trình hóa học *không đúng* trong các PTHH sau đây:

- A. $\text{NaOH} + \text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{H}_2\text{O}$
 B. $\text{Cl}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{HCl} + \text{HClO}$
 C. $\text{H}_2\text{SO}_4(\text{đ}) + \text{NaCl}(\text{r}) \rightarrow \text{HCl} + \text{NaHSO}_4$
 D. $\text{CaO} + \text{HCl} \rightarrow \text{CaCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$

Câu 14: Trong các cặp chất sau đây, cặp nào gồm hai chất có thể phản ứng với nhau?

- A. NaCl và KNO_3 B. Na_2S và HCl C. BaCl_2 và HNO_3 D. $\text{Cu(NO}_3)_2$ và HCl

Câu 15: Người ta có thể sát trùng bằng dung dịch muối ăn NaCl , chẳng hạn như hoa quả tươi, rau sống được ngâm trong dung dịch NaCl từ 10 - 15 phút. Khả năng diệt khuẩn của dung dịch NaCl là do:

- A. dung dịch NaCl có thể tạo ra ion Cl^- có tính khử.
 B. vi khuẩn bị mất nước do thẩm thấu.
 C. dung dịch NaCl mặn nên sát trùng tốt
 D. một lý do khác.

FLO – BROM – IOT

Câu 1: Chất nào sau đây chỉ có tính oxi hoá, **không** có tính khử ?

- A. F_2 . B. Cl_2 . C. Br_2 . D. I_2 .

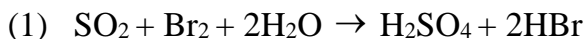
Câu 2: Dùng loại bình nào sau đây để đựng dung dịch HF ?

- A. Bình thủy tinh màu xanh. B. Bình thủy tinh màu nâu.
 C. Bình thủy tinh không màu. D. Bình nhựa teflon (chất dẻo).

Câu 3: Phương pháp duy nhất để điều chế Flo là :

- A. Cho dung dịch HF tác dụng với MnO_2 .
 B. Điện phân nóng chảy hỗn hợp NaF và NaCl .
 C. Điện phân nóng chảy hỗn hợp KF và HF .
 D. Cho Cl_2 tác dụng với NaF .

Câu 4: Trong các phản ứng hoá học sau, brom đóng vai trò là :



A. Vừa là chất oxi hoá, vừa là chất khử. B. Chất oxi hoá.

C. Chất khử.

D. Không là chất oxi hoá, không là chất khử.

Câu 5: Trong muối NaCl có lẫn NaBr và NaI. Để loại hai muối này ra khỏi NaCl người ta có thểA. Dẫn từ từ khí Cl_2 cho đến dư vào dung dịch sau đó cô cạn dung dịch.

B. Tác dụng với dung dịch HCl đặc.

C. Tác dụng với Br_2 dư sau đó cô cạn dung dịch.D. Tác dụng với AgNO_3 sau đó nhiệt phân kết tủa.**Câu 6:** Đổ dung dịch chứa a gam HBr vào dung dịch chứa a gam NaOH. Nhúng giấy quỳ tím vào dung dịch thu được thì giấy quỳ tím chuyển sang màu nào?

A. Không đổi màu

B. Màu đỏ

C. Không xác định

D. Màu xanh

Câu 7: Có 4 dung dịch NaF, NaCl, NaBr, NaI đựng trong các lọ bị mất nhãn. Nếu dùng dung dịch AgNO_3 thì có thể phân biệt được

A. 1 dung dịch.

B. 2 dung dịch.

C. 3 dung dịch.

D. 4 dung dịch.

Câu 8: Cho 0,03 mol hỗn hợp 2 muối NaX và NaY (X, Y là 2 halogen thuộc 2 chu kì liên tiếp) tác dụng với AgNO_3 dư được 4,75 gam kết tủa. X và Y là :

A. F và Cl.

B. Cl và Br.

C. Br và I.

D. I và At.

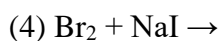
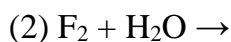
Câu 9: Halogen ở thể rắn (điều kiện thường), có tính thăng hoa là :

A. flo.

B. clo.

C. brom.

D. iot.

Câu 10: Cho các phản ứng:

Trong các phản ứng trên, những phản ứng có tạo ra đơn chất là

A. (1), (2), (3).

B. (2), (3), (4).

C. (1), (2), (4).

D. (1), (3), (4).

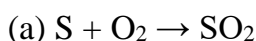
LUU HUỖNH**Câu 1:** Hơi thủy ngân rất độc, bởi vậy khi làm vỡ nhiệt kế thủy ngân thì chất bột được dùng để rắc lên thủy ngân rồi gom lại là

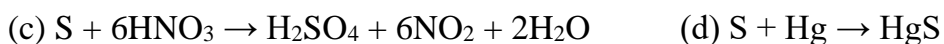
A. Vôi sống.

B. Cát.

C. Muối ăn.

D. Thủy ngân.

Câu 2: Cho các phản ứng sau:



Số phản ứng trong đó S thể hiện tính khử là

- A. 2. B. 3. C. 1. D. 4.

Câu 3: Chọn phát biểu **không** đúng khi nói về lưu huỳnh?

- A. Lưu huỳnh phản ứng trực tiếp với hidro ở điều kiện thường.
 B. Ở trạng thái rắn, mỗi phân tử lưu huỳnh có 8 nguyên tử.
 C. Lưu huỳnh tác dụng được hầu hết với các phi kim.
 D. Trong các phản ứng với hidro và kim loại lưu huỳnh là chất oxi hóa.

Câu 4: Nguyên tố lưu huỳnh có số hiệu nguyên tử là 16. Vị trí của lưu huỳnh trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học là

- A. chu kì 3, nhóm VIA. B. chu kì 5, nhóm VIA.
 C. chu kì 3, nhóm IVA. D. chu kì 5, nhóm IVA.

Câu 5: Nguyên tử S đóng vai trò vừa là chất khử, vừa là chất oxi hóa trong phản ứng nào sau đây?

- A. $4S + 6NaOH_{\text{đặc}} \rightarrow 2Na_2S + Na_2S_2O_3 + 3H_2O$
 B. $S + 3F_2 \rightarrow SF_6$
 C. $S + 6HNO_3 \rightarrow H_2SO_4 + 6NO_2 + 2H_2O$
 D. $S + 2Na \rightarrow Na_2S$

Câu 6: Lưu huỳnh tác dụng với axit sunfuric đặc, nóng: $S + 2H_2SO_4_{\text{đặc}} \rightarrow 3SO_2 + 2H_2O$

Trong phản ứng này, tỉ lệ số nguyên tử lưu huỳnh bị khử và số nguyên tử lưu huỳnh bị oxi hóa là

- A. 1 : 2. B. 1 : 3. C. 3 : 1. D. 2 : 1.

Câu 7: Lưu huỳnh có thể tồn tại ở những trạng thái số oxi hóa nào?

- A. -2; +4; +5; +6. B. -3; +2; +4; +6. C. -2; 0; +4; +6. D. +1; 0; +4; +6.

Câu 8: So sánh tính chất cơ bản của lưu huỳnh với oxi ta có

- A. tính oxi hóa của oxi < lưu huỳnh.
 B. tính khử của lưu huỳnh > oxi.
 C. tính oxi hóa của oxi bằng tính oxi hóa của lưu huỳnh.
 D. tính khử của oxi bằng tính khử của lưu huỳnh.

Câu 9: Đốt nóng thìa sắt nhỏ có chứa lưu huỳnh bột trên ngọn lửa đèn cồn, lưu huỳnh nóng chảy, sau đó cháy trong không khí cho ngọn lửa xanh mờ. Đưa lưu huỳnh đang cháy vào bình đựng khí oxi, lưu huỳnh tiếp tục cháy cho ngọn lửa

- A. sáng hơn và sinh ra lưu huỳnh đioxit.
 B. mờ hơn và sinh ra lưu huỳnh đioxit.

C. sáng hơn và sinh ra lưu huỳnh trioxit.

D. mờ hơn và sinh ra lưu huỳnh trioxit.

Câu 10: Trộn sắt bột và lưu huỳnh bột rồi cho vào ống nghiệm khô. Đun ống nghiệm trên ngọn lửa đèn cồn, một lúc sau hỗn hợp cháy đỏ. Sản phẩm tạo thành là

A. sắt(II) sunfua có màu nâu đỏ.

B. sắt(II) sunfua có màu xám đen.

C. sắt(III) sunfua có màu nâu đỏ.

D. sắt(III) sunfua có màu xám đen.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Lưu huỳnh vừa có tính oxi hóa, vừa có tính khử.

B. Ở nhiệt độ thường, lưu huỳnh là chất rắn màu trắng.

C. Lưu huỳnh có tính oxi hóa yếu hơn oxi.

D. Sắt tác dụng với lưu huỳnh tạo muối sắt(III) sunfua.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Lưu huỳnh là một phi kim mạnh, có tính oxi hóa mạnh điển hình.

B. Khi tham gia phản ứng, lưu huỳnh thể hiện tính oxi hóa hoặc tính khử.

C. Điều kiện thường, lưu huỳnh là chất rắn, màu vàng, không tan trong nước.

D. Điều kiện thường, lưu huỳnh tồn tại dạng phân tử S_8 .

Câu 13: Cho 1,3 gam kẽm tác dụng với 0,32 gam lưu huỳnh (trong điều kiện không có không khí), sản phẩm thu được sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn là

A. Zns.

B. Zns và S.

C. ZnS và Zn.

D. ZnS, Zn, S.

Câu 14: Đun nóng 4,8 gam bột Mg với 9,6 gam bột lưu huỳnh (trong điều kiện không có không khí), thu được chất rắn X. Cho toàn bộ X vào lượng dư dung dịch HCl, thu được V lít khí (điều kiện tiêu chuẩn). Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là

A. 2,24.

B. 3,36.

C. 4,48.

D. 6,72.

Câu 15: Đun nóng 9,75 gam kali với một phi kim X dư, thu được 13,75 gam muối. Hỏi X là phi kim nào sau đây?

A. Clo ($M = 35,5$).

B. Brom ($M = 80$).

C. Lưu huỳnh ($M = 32$).

D. Nitơ ($M = 14$).